

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 12 - 2022
V/v *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Việt và bà Tạ Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt

+ *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân:* bà và ông Trần Văn M chung sống với nhau từ năm 1987 tại xã Phú Cần sau đó đến năm 2002 chuyển đến sinh sống tại thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Giữa bà với ông M từ nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng do ít hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian khoảng 02 năm nay, cuộc sống giữa bà với ông M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc

vợ chồng không thông cảm cho nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, không có cùng quan điểm sống, ông M hay nhậu nhẹt say xỉn và hay lăng mạ bà. Mặc dù mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay xét thấy mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Trần Văn M trước pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* bà và ông Trần Văn M có 04 (bốn) con là Trần Thị Mai Tr, sinh năm 1988; Trần Quốc Nh, sinh năm 1990; Trần Quốc Đ, sinh năm 1992 và Trần Thị Mai Th, sinh năm 1996. Nay các con đều đã lớn, trưởng thành và có thể tự lập được cuộc sống của mình nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

- *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:* bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

- *Về hôn nhân:* Về thời gian chung sống vợ chồng và về con chung giữa ông và bà Nguyễn Thị Lạnh như bà L trình bày là đúng sự thật. Ông và bà L đã tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện của hai bên, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1987 và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, thời gian cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng sau này cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ những nguyên nhân nhỏ nhặt, vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc tạo lập cuộc sống gia đình nên cuộc sống vợ chồng nặng nề, không hạnh phúc. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau có sống chung cũng không hạnh phúc, vợ chồng không cùng suy nghĩ, chỉ hướng xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L trước pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Giữa ông và bà Lạnh có 04 (bốn) con là Trần Thị Mai Tr, sinh năm 1988; Trần Quốc Nh, sinh năm 1990; Trần Quốc Đ, sinh năm 1992 và Trần Thị Mai Th, sinh năm 1996. Nay các con đều đã lớn nên về con và cấp dưỡng nuôi con, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Căn cứ các Điều 4, 5, 6;, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228,

Điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Khoản 2 Điều 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đã có 04 con chung. Sau đó bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng lại không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M là không hợp pháp, nên đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M là phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M có 04 (bốn) con là Trần Thị Mai Tr, sinh năm 1988; Trần Quốc Nh, sinh năm 1990; Trần Quốc Đ, sinh năm 1992 và Trần Thị Mai Th, sinh năm 1996. Các con đều đã thành niên, có công việc và thu nhập riêng nên các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập đến.

- *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập đến.

- *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Còn đối với ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị L đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều đã có đơn xin được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin được xét xử vắng của nguyên đơn, bị đơn đề quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên vào năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã có 04 (bốn) con chung. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M hiện tại không còn chung sống với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phú Cần; UBND thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa là những nơi bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn M cư trú trước đây về việc đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M. Kết quả xác minh cho thấy bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”*.

Như vậy, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M là không hợp pháp nên phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M có 04 (bốn) con là Trần Thị Mai Tr, sinh năm 1988; Trần Quốc Nh, sinh năm 1990; Trần Quốc Đ, sinh năm 1992 và Trần Thị Mai Th, sinh năm 1996. Các con đã thành niên, có công việc và thu nhập ổn định, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến nữa.

[4] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập đến nữa.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004991 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Quốc Việt

- Tạ Thị Hải

Ksor Pep